

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 14 - 7 - 2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Toàn.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tám – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 310/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2020/QĐ-PT ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Bích H**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Phạm Giang B**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn anh Phạm Giang B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Mai Thị Bích H trình bày: Năm 2010, chị cùng anh Phạm Giang B tự nguyện kết hôn. Ngày 15/01/2010, cả hai làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/KH, quyển số 01/2010. Chị H xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phạm Ngọc YN sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015. Sau khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14/10/2019, bị đơn anh Phạm Giang B trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện và sau thời gian tìm hiểu, năm 2010, anh và chị Mai Thị Bích H tự nguyện kết hôn. Ngày 15/1/2010, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/KH, quyển số 01 - 2010 cho anh và chị H. Trong quá trình chung sống vợ chồng không tránh khỏi chuyện cãi vã thường tình như bao cặp vợ chồng khác nhưng đó chỉ là những chuyện tranh cãi nhỏ nhặt, sau đó cuộc sống vợ chồng lại trở lại vui vẻ, bình thường. Nay chị H làm đơn ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì cho rằng anh vẫn rất thương yêu vợ con và các cháu còn đang rất nhỏ, nếu xảy ra việc ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển tâm lý của các cháu.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phạm Ngọc YN, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng như chị H trình bày thì anh không có ý kiến và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 310/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Bích H đối với bị đơn anh Phạm Giang B về việc tranh chấp ly hôn.

Chị Mai Thị Bích H, sinh năm 1991 được ly hôn với anh Phạm Giang B, sinh năm 1987.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc YN, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Mai Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Giang B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Mai Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000677 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị H đã nộp đủ án phí theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2020, anh Phạm Giang B kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 310/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, anh không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm về việc ly hôn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị H đã trầm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm cho chị H ly hôn anh B là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm giao các con chung của anh B và chị H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các đương sự, hiện tại các cháu vẫn phát triển bình thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Phạm Giang B trong hạn luật định, anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Chị H và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký và vào ngày 15/01/2010, UBND phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/KH, quyền số 01/2010 nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm nên đề nghị ly hôn với anh B. Anh B thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có cãi vã nhau nhưng là chuyện nhỏ nhặt và còn thương vợ, thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là mối quan hệ song phương giữa hai bên, nay chị H khẳng định không còn tình cảm và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Mai Thị Bích H được ly hôn với anh Phạm Giang B là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B không đưa ra được chứng cứ nào khác, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng ý kiến vẫn kiên quyết ly hôn. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung gồm các cháu Phạm Ngọc YN, Phạm Gia L, Phạm Gia K, Phạm Ngọc Y và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Trên cơ sở xem xét hoàn cảnh, điều kiện của mỗi bên và việc nuôi dưỡng, chăm sóc hiện nay cũng như sự phát triển bình thường của các cháu, Tòa án cấp sơ thẩm giao các cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh B đều không có yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng. Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu là không cần thiết.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Giang B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Bích H: Chị Mai Thị Bích H, sinh năm 1991 được ly hôn với anh Phạm Giang B, sinh năm 1987.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Phạm Ngọc YN, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014 và cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Mai Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Giang B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Giang B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Bích H, anh Phạm Giang B không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Mai Thị Bích H đã nộp theo biên lai thu số 0000677 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí chị H phải nộp.

Anh Phạm Giang B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh Phạm Giang B đã nộp theo biên lai thu số 0008025 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí anh B phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhu